TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 17/06/2026
Về việc: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nghi.
2. Bà Vũ Thảo Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2026/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST – HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980; Căn cước công dân số: 0371800005xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13 tháng 4 năm 2021. Địa chỉ: xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Phan Văn D, sinh năm 1978; Căn cước công dân số: 0370780005xx do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08 tháng 4 năm 2021. Địa chỉ: xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phan Văn D sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 03 năm 1999 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình (cũ), nay là ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị về làm ăn sinh sống tại xã

P, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do vấn đề làm ăn kinh tế và điều kiện công việc của hai bên vợ chồng không thống nhất. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải phân tích nhưng không có kết quả, nhiều lần đánh cãi chửi nhau chị H đã báo lên công an và chính quyền cơ sở thôn xóm để nhờ can thiệp nhưng mâu thuẫn vợ chồng cũng không khắc phục được. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau một năm nay và không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không có khả năng về đoàn tụ nên chị H đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh D để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung, con riêng: Chị và anh D có hai con chung cháu PhanThanh T sinh ngày 19 tháng 2 năm 2000 và cháu Phan Tiến D1, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2007 hiện các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống nên chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Con riêng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng: Chị và anh D tự thoả thuận phân chia nên nay ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Phan Văn D hiện đang cư trú tại xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình. Toà án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Phan Văn D và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Phan Văn D nhưng anh D không ký nhận các văn bản của Tòa án. Bản thân anh D cũng đã biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn với anh nhưng anh D không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1.Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng ly H1 anh Phan Văn D

- Án phí: Chị Nguyễn Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn với anh Phan Văn D có nơi cư trú tại: xóm V, xã P, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Phan Văn D, anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn D có Đăng ký kết hôn ngày 19 tháng 03 năm 1999 tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình (cũ), nay là ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Phú Thọ. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn do về vấn đề làm ăn kinh tế và điều kiện công ăn việc làm của hai vợ chồng. Tháng 8 năm 2025 chị H đã làm các thủ tục khởi kiện ly hôn với anh Phan Văn D, tuy nhiên nhận thấy vợ chồng anh chị không có nhiều mâu thuẫn quá trình giải quyết vụ án Toà án đã động viên, phân tích sau đó chị H đã rút đơn khởi kiện để tạo cơ hội cho anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nhưng thời gian sau đó anh chị mâu thuẫn trầm trọng hơn và không thể khắc phục được, nhiều lần đánh cãi chửi nhau ảnh hưởng đến an ninh thôn xóm. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh D không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện việc anh D không thiện trí trong việc giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng, không thể khắc phục được và mục đích hôn nhân không đạt được.

Biên bản xác minh tại ủy ban nhân dân xã P thể hiện: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn D có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị về sinh

sống, làm ăn buôn bán tại xóm V, xã P. Quá trình sinh sống tại địa phương khoảng năm 2023 chị H và anh D đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng làm ăn kinh tế và thua lỗ nợ nần nhiều, mặt khác anh chị không tin tưởng nhau về vấn đề tình cảm và kinh tế trong gia đình. Nhiều lần gia đình xảy ra đánh cãi chửi nhau chị H có báo gọi đến công an xã và chính quyền cơ sở can thiệp. Về phía chính quyền cơ sở cũng không tổ chức hội nghị hoà giải nhưng cũng đã đến nhà anh D, chị H đề phân tích, hoà giải, động viên và khuyên nhủ cả hai bên nhưng không đem lại kết quả gì. Về con chung chị H và anh D có hai con chung cháu Phan Thanh T sinh ngày 19 tháng 2 năm 2000 và cháu Phan Tiến D1, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2007 hiện các cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh D đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết.

Biên bản làm việc tại Công an xã P thể hiện:Chị Nguyễn Thị H có ba, bốn lần gọi điện thoại tới đường dây trực ban của Công an xã P, tỉnh Ninh Bình trình báo tin việc anh D chồng chị H đánh đập, chửi bới, xúc phạm chị. Công an khu vực và tổ an ninh trật tự có đến gia đình làm việc và yêu cầu anh D, chị H giữ gìn an ninh trật tự, không được làm ảnh hưởng đến gia đình các hộ dân sinh sống xung quanh. Quá tình làm việc chị H chỉ gọi điện thoại, không có đơn trình báo theo thủ tục do vậy C anh xã P cũng nhắc nhở nhẹ chị H, anh D giữ gìn an ninh trật tự thôn xóm chứ không lập biên bản sự việc gì về nội dung liên quan đến việc chị H anh D mâu thuẫn và đánh cãi chửi nhau.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, cả hai không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3]. Về con chung, con riêng: Chị H và anh D có hai con chung cháu Phan Thanh T sinh ngày 19 tháng 2 năm 2000 và cháu Phan Tiến D1, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2007 hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Con riêng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng: Chị H và anh D tự thoả thuận phân chia tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng nay ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn D (Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung, con riêng: Chị H và anh D có hai con chung cháu Phan Thanh T sinh ngày 19 tháng 2 năm 2000 và cháu Phan Tiến D1, sinh ngày 18 tháng 04 năm 2007 hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Con riêng không có không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng: Chị H và anh D tự thoả thuận phân chia tài sản chung, riêng và công nợ chung, riêng nay ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000990 ngày 05/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4 – Ninh Bình.
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Ninh Bình
- UBND xã A, tỉnh Phú Thọ.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Trần Thị Khanh